TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DSST.
Ngày: 26 - 4 - 2019.
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀNỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Học**

Bà **Nguyễn Thị Chiểu.**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Khuất Tiến Phúc** -Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham G phiên toà*: Ông **Nguyễn Văn Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST- DS ngày 21/12/2018 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 11/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ông Nguyễn Văn G** sinh năm 1956; có mặt

Địa chỉ: Cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: **Bà Nguyễn Thị Thu H** (*tên gọi khác Nguyễn Thị H*; sinh năm 1967; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Cụm 6, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu H có quen biết nhau nên ngày 21/5/2010 ông cho bà H vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), Sau đó, bà H lại tiếp tục hỏi vay thêm tiền để giải quyết việc G đình, nhưng vì không có tiền nên ông có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phúc Thọ, huyện PT để cho bà H vay. Vì vậy, ngày 08/12/2012 ông cho bà H vay thêm số tiền 60.000.000đ nên ông và bà H thỏa thuận ghi vào một giấy.

Tại Quỹ tín dụng thị trấn PT, ông đánh máy "Giấy vay tiền" với nội dung cho bà H vay 160.000.000đ, sau khi nhận tiền, bà H ký và ghi họ tên dưới mục người vay. Tại giấy vay tiền này có tên ông Đặng Hồng C là chồng bà H, nhưng ông giao tiền cho bà H vay và ông C không biết.

Như vậy, giấy vay tiền ngày 21/5 (dương lịch) năm 2010 do bà H viết nhận nợ ông 100.000.000đ mà ông nộp cho Tòa án đã được ông và bà H thỏa thuận ghi gộp vào giấy vay tiền ngày 08/12/2012, tổng số tiền 160.000.000đ, hai bên thỏa thuận và ghi tại giấy vay tiền là sau một năm bà H trả cho ông cả tiền lãi và tiền gốc. Tiền lãi ông và bà H thỏa thuận theo lãi suất của Quỹ tín dụng.

Quá trình vay tiền, bà H đã trả lãi đến tháng 2 năm 2017. Việc trả lãi, ông và bà H đến quỹ tín dụng, sau khi quỹ tín dụng tính toán số tiền ông phải trả bao nhiêu thì bà H đưa cho ông để ông trả lãi quỹ tín dụng, vì số số tiền này ông vay của quỹ tín dụng nên hàng tháng ông phải trả tiền lãi cho quỹ tín dụng. Vì vậy, việc bà H trả lãi cho ông không có giấy tờ.

Việc bà H khai ông và bà H góp vốn vào làm kinh doanh đa cấp và đã trả lãi nhiều cho ông là không đúng.

Từ tháng 2 năm 2017 đến nay bà H không trả tiền lãi cho ông nên ông yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc của hai lần vay là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2019 và ngày 30/01/2019, bà Nguyễn Thị Thu H khai: Bà và ông Nguyễn Văn G góp vốn làm kinh doanh đa cấp không may thua lỗ, mất mát và bị các Công ty lừa gạt do không lường trước được, nay không có cơ hội hoàn vốn, lãi bà đã trả rất nhiều nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trả góp tiền gốc mỗi tháng 300.000đ.

Sau khi bà H có bản tự khai, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến để làm rõ về khoản vay và số tiền mà bà H khai đã trả lãi cho ông G nhưng bà H không có mặt.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn G rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H trả tiền lãi suất, chỉ yêu cầu bà H trả cho ông số tiền gốc 160.000.000đ. Ông G khai: Nguồn gốc số tiền ông cho bà H vay là do ông vay của Quỹ tín dụng, không liên quan đến vợ và các con ông, và việc ông cho bà H vay tiền không liên quan đến chồng con bà H. Ngoài ra, ông không yêu cầu giải quyết gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham G tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thời hiệu và thẩm quyền, Tòa án nhân dân huyện PT đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham G tố tụng, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn

chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả ông Nguyễn Văn G số tiền gốc 160.000.000đ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả nợ số tiền 160.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện PT đã tống đạt hợp lệ cho bà H Thông báo thụ lý vụ án. Sau khi bà H có ý kiến bằng văn bản, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến hỏi rõ về khoản vay, yêu cầu cung cấp chứng cứ về khoản vay, khoản tiền mà H khai trả tiền lãi cho ông G nhưng bà H đều không có mặt. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc Go nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất cho bà H và lần thứ hai do không Go được nên Tòa án đã niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc Go nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt lần thứ hai không có ly do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H.

[2] Về nội dung: Do quan hệ quen biết với nhau nên bà Nguyễn Thị Thu H có vay tiền của ông Nguyễn Văn G. Thời điểm vay nợ tiền được các bên xác nhận tại Giấy vay tiền ngày 21/5 (dương lịch) năm 2010 số tiền 100.000.000đ, đến ngày 08/12/2012 ông G cho bà H vay tiếp số tiền 60.000.000đ nên hai bên thỏa thuận viết gộp vào giấy vay tiền ngày 08/12/2012. Như vậy, số tiền vay được xác định là 160.000.000đ .

Theo giấy vay tiền do bà H ký thì việc vay nợ có thời hạn và có lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 08/12/2012, cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà H đề nghị được trả nợ dần tiền gốc mỗi tháng 300.000đ và không phải trả lãi. Tòa án cũng đã quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với bà H, liên quan đến việc bà H khai trả tiền lãi và tiền ông G góp vốn làm kinh doanh đa cấp, nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bà nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, ông Nguyễn Văn G khởi kiện đòi nợ đối với bà Nguyễn Thị Thu H là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

Theo lời khai của ông Đặng Văn C là chồng bà H thì việc bà H vay tiền làm gì, ông không biết nên yêu cầu của ông G chỉ đề nghị bà H trả nợ là phù hợp.

Xác minh tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn PT được biết: Ông Nguyễn Văn G có vay số tiền 160.000.000đ của Quỹ tín dụng, hàng tháng ông G là người trả tiền lãi theo quy định. Vì vậy, việc vay tiền và trả lãi không liên quan đến bà Nguyễn Thị Thu H

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn G không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi. Xét yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn G số tiền gốc 160.000.000đ.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn G được chấp nhận nên ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy hoàn trả cho ông G số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn G số tiền nợ gốc là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành về phần tiền phải thanh toán thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 8.000.000đ (*Tám triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn G số tiền 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên ai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005476 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Những người tham G tố tụng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Bích Loan